

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.704.452.889.407	2.679.659.132.662
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.781.430.995.681)	(1.751.068.595.773)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(18.772.506.600)	(16.507.148.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(72.019.678.134)	(75.560.229.711)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	422.625.451.086	220.988.782.120
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.018.099.990.830)	(851.841.369.361)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	236.755.169.248	205.670.571.937
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	15.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(340.000.000.000)	(452.008.100.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	515.639.472.500	537.058.600.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.887.605.547	31.020.964.783
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	196.527.078.047	116.086.464.783
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(282.157.429.740)	(546.672.804.704)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(282.157.429.740)	(546.672.804.704)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	151.124.817.555	(224.915.767.984)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	79.623.953.886	256.162.522.791
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	230.748.771.441	31.246.754.807

An Giang, ngày 15 tháng 7 năm 2022

Người lập

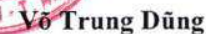
Kế toán trưởng

Giám đốc


 Lê Thành Trí


 Lưu Thị Huỳnh Phượng




 Võ Trung Dũng